TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/DS-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Ân
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1992
Địa chỉ: 343 ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre
Chị Phan Thị Ngọc T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Văn A, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp 13, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre
(Theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2019)
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Quan T1, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre
Ông A có mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T là ông Lê Văn A trình bày:

Ngày 18/01/2019 chị Phan Thị Ngọc T có cho anh Nguyễn Quan T1 vay số tiền 150.000.000 đồng, anh T1 có viết 1 giấy tay cho chị T giữ, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, đóng lãi từng tháng. Tuy nhiên, từ ngày cho vay đến nay anh T1 không đóng lãi cũng không trả vốn cho chị T. Khi chị T đòi tiền gốc thì anh T1 không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Quan T1 phải trả cho chị T số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Quan T1 đến để tiến hành hòa giải nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có

lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Chị Phan Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quan T1 trả cho chị số tiền mà anh T1 đã vay của chị là 150.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Anh Nguyễn Quan T1 có địa chỉ tại ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Quan T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Quan T1.

[2] Về nội dung:

Ngày 18/01/2019, chị Phan Thị Ngọc T có cho anh Nguyễn Quan T1 vay số tiền 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, đóng lãi từng tháng. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là giấy mượn nợ đề ngày 18/01/2019 có chữ ký của anh Nguyễn Quan T1 thể hiện nội dung anh T1 có mượn chị T số tiền 150.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho anh T1 biết về việc chị T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà chị T đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc vay mượn tiền giữa anh T1 và chị T là có thật và đến nay anh T1 vẫn chưa thanh toán nợ cho chị T.

Nhận thấy, từ khi cho vay đến nay, anh T1 không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho chị T là đã vi phạm nội dung thỏa thuận giữa các bên. Chị T đã nhiều lần yêu cầu anh T1 trả nợ nhưng anh T1 vẫn không thực hiện, việc anh T1 chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nên việc chị T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả số tiền vay 150.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 150.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T được chấp nhận nên bị đơn anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Quan T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc anh Nguyễn Quan T1 có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Ngọc T số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quan T1 phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho chị Phan Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004168 ngày 18/6/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương